TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080B1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Họ c Kỳ 1 - Nă m Họ c 13-14

Chương trình Đào tạo ngành Kinh tế Tài nguyên Môi trường (DH09KM)

Số Tí n Chỉ Tí ch Lũ y Chung 129
Điể m Trung Bì nh Tí ch Lũ y 2.00

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	09143002	PHAN THỊ VIỆT ANH	DH09KM	122.0	2.91		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
2	09143048	PHÙNG VÕ THỊ TRĂM ANH	DH09KM	122.0	3.08						
3	09143049	TÔ THỊ NGỌC ANH	DH09KM	120.0	3.10						
4	09143003	LÊ THỊ HOA BAN	DH09KM	121.0	3.27						
5	09143050	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG BÌNH	DH09KM	123.0	2.87						
6	09143005	NGUYỄN VĂN BRAXIN	DH09KM	122.0	3.32						
7	09143051	QUÃNG TRỌNG CHINH	DH09KM	117.0	2.90	213601	Anh vă n 1	5		121	V
8	09143006	HUỲNH THỊ BÍCH DIỄM	DH09KM	121.0	2.83						
9	09143007	NGUYỄN TUẤN DŨ	DH09KM	120.0	2.80						
10	09155002	VẠN PHƯƠNG DUNG	DH09KM	122.0	2.83						
11	09143054	NGUYỄN TIẾN DŨNG	DH09KM	128.0	2.55		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
12	09143055	TRẦN THỊ MỸ ĐIỆP	DH09KM	123.0	3.22						
13	09143056	NGUYỄN THỊ GIANG	DH09KM	121.0	2.74						
14	09143010	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	DH09KM	121.0	2.85						
15	09155004	TRẦN THỊ LỆ HẰNG	DH09KM	120.0	2.86						
16	09143058	HỒ THỊ THANH HIỀN	DH09KM	122.0	2.96						
17	09143059	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	DH09KM	122.0	3.13						
18	09143012	NGUYỄN NHẬT HUY	DH09KM	121.0	2.91						
19	09143013	HOÀNG THỊ HUYỀN	DH09KM	121.0	3.17						
20	09143062	DƯƠNG THỊ MỸ LAN	DH09KM	121.0	2.87						
21	09143016	DƯƠNG PHƯƠNG LANH	DH09KM	112.0	2.56	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
22	09143017	HUỲNH CAO TRÚC LINH	DH09KM	121.0	3.22						
23	09143064	TRẦN THỊ NGỌC LOAN	DH09KM	120.0	3.22						
24	09143065	TRẦN NGỌC LONG	DH09KM	112.0	2.27	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
25	09143066	NGUYỄN THỊ THANH NGA	DH09KM	120.0	2.85						
26	09143068	DƯƠNG THỊ THU NGÂN	DH09KM	116.0	2.69	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
27	09143025	LÊ THANH NHẬT	DH09KM	121.0	3.17						
28	09143070	ĐẶNG THỊ HỒNG NHO	DH09KM	121.0	2.87						
29	09143074	TRẦN HOÀNG UYÊN PHƯƠNG	DH09KM	121.0	3.34						
30	09143027	HUỲNH THỊ BÍCH PHƯỢNG	DH09KM	121.0	2.96						
31	09143075	NGUYỄN VĂN SANG	DH09KM	121.0	2.80						
32	09143029	NGUYỄN THỊ KIM SƠN	DH09KM	121.0	3.50						
33	09143077	LÊ THANH	DH09KM	122.0	2.76						
34	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC THÔNG	DH09KM	109.0	2.59	208529	Kiế n tậ p chuyê n ngà nh	2		121	V
						208602	Phâ n tí ch lợ i í ch chi phí	3		121	V
						208612	Chí nh sá ch QL TNMT	3		121	V
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
35	09143079	ĐỖ THỊ THỦY	DH09KM	121.0	3.36						
36	09143080	NGUYỄN THỊ THỦY	DH09KM	122.0	2.64						
37	09143032	LÊ THỊ THƯƠNG	DH09KM	120.0	3.17						
38	09143082	ĐOÀN THỊ ĐOAN TRANG	DH09KM	121.0	3.10						
39	09143033	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	DH09KM	121.0	3.14						
40	09143083	PHẠM THỊ THANH TRANG	DH09KM	120.0	2.88						

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
41	09143036	NGUYỄN LÊ TRĂM	DH09KM	116.0	3.15	213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
42	09143037	TRẦN HOÀNG ÁI TRÂN	DH09KM	120.0	3.20						
43	09143039	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH09KM	111.0	2.63	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
44	09143040	PHẠM CHÂU ANH TUẤN	DH09KM	120.0	3.14						
45	09143042	HUỲNH TRUNG TUYẾN	DH09KM	129.0	2.32		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
46	09143043	NGUYỄN ĐÌNH NHÃ UYÊN	DH09KM	121.0	2.68						
47	09143084	LÊ NGUYỄN THANH VÂN	DH09KM	123.0	2.62						
48	09143044	NGUYỄN THỊ ÁI VÂN	DH09KM	120.0	3.05						
49	09143085	NGUYỄN ĐỨC VINH	DH09KM	117.0	2.38	213601	Anh vă n 1	5			
						213602	Anh vă n 2	5			
						NN	Chuẩ n đầ u ra B1				
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
50	09143045	NGUYỄN QUANG VŨ	DH09KM	120.0	2.71						
51	09143046	DIỆP THỊ THẾ XUÂN	DH09KM	123.0	3.13						

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợ p Nhó m MH bắ t buộ c tự chọ n chưa tí ch lũ y đượ c

```
Nhóm TC  1: 7 TC (Min)
      208115 Kinh tế quốc tế                3
      208116 Kinh tế phát triển             3
      208128 Kinh tế nguồn nhân lực         3
      208130 Kinh tế công cộng              3
      208340 Tài chính tiền tệ              2

Nhóm TC  2: 7 TC (Min)
      208421 Dự án đầu tư                   3
      208609 Kinh tế QL tài nguyên nước     2
      208610 Kinh tế quản lý tài nguyên đất 2
```

208611	Luật môi trường tài nguyên	2
208613	Kinh tế quản lý môi trường DN	3

Nhóm TC 3: 13 TC (Min)

204501	Hệ thống thông tin địa lý	3
205101	Bảo vệ môi trường	2
208223	Kinh tế lượng ứng dụng	2
208336	Nguyên lý kế toán	3
208416	Quản trị học	2
208616	Tiếng anh chuyên ngành	3
209509	Phong thủy ứng dụng	3
212402	Độc chất học môi trường	2
212507	Đánh giá tác động môi trường	2

Nhóm TC 4: 10 TC (Min)

208622	Tiểu luận tốt nghiệp	4
208623	Định giá tài nguyên MT 2	3
208624	Chính sách tài nguyên MT 2	3
208625	Kinh tế ô nhiễm ứng dụng	2
208626	Kinh tế tài nguyên ứng dụng	2
208902	Khóa luận tốt nghiệp	10

In Ngà y 07/09/13

TP.HCM, Ngà y 07 thá ng 09 nă m 2013

Ngườ i lậ p biể u